

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2025/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Kim Dung

Ông Bùi Đức Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại Phòng xử án số 1, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 112/2025/TLST- HS ngày 08 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Sinh H** (tên gọi khác: không); sinh ngày 21 tháng 7 năm 1989 tại Hưng Yên; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Hồng H1 và bà Bùi Thị N; vợ là Vũ Thị T (đã ly hôn); có 01 con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: ngày 28/01/2011 bị Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”, ngày 10/9/2012 chấp hành xong bản án;

Ngày 04/7/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng” và 09 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”, ngày 10/02/2015 chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2024, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q, có mặt.

- Bị hại: anh Trần Đức P; sinh năm 1991; Nơi ĐKKHKT: tổ A, khu B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; Nơi ở hiện tại: tổ A, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn P1: **sinh năm 1999**; trú tại tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

+ Chị Đinh Thị Thanh H2; **sinh năm 1979**; trú tại tổ C, khu H, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người làm chứng (đều vắng mặt):* anh Đỗ Văn D; anh Trần Duy G; ông Bùi Hồng H1; anh Trần Quang T1, anh Trần Mạnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ ngày 02/05/2024, Bùi Sinh H cùng bạn là anh Trần Duy G đến cửa hàng của anh Trần Đức P tại số H, đường H thuộc tổ A, khu I, phường B, thành phố H để thuê xe ô tô. Tại đây, H một mình cùng anh P thỏa thuận, ký Hợp đồng thuê xe với nội dung: Hóa thuê 01 chiếc xe nhãn hiệu Ford Ranger, màu trắng, biển kiểm soát 14C-411.70, trong vòng 05 ngày với giá 900.000 đồng/ngày, trong hợp đồng thỏa thuận rõ “nghiêm cấm H giao xe, cho thuê, cầm cố, bán hay thế chấp cho người khác”. Sau khi ký xong, H nhờ bạn là anh Phạm Văn M chuyển 8.000.000 đồng tiền cọc thuê xe ô tô, còn anh P giao cho H chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe gồm: 01 Giấy Bảo hiểm xe bắt buộc, 01 Giấy đăng kiểm và 01 Giấy đăng ký xe ô tô (bản công chứng). Ngày 04/5/2024 do thiếu tiền chi tiêu cá nhân nên H đã nảy sinh ý định mang chiếc xe ô tô trên đi bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hóa không thông báo cho anh P, tự ý tìm hiểu và liên hệ với anh Nguyễn Văn P1 để hẹn bán chiếc xe ô tô trên. Khoảng 15 giờ cùng ngày, H một mình đi chiếc xe ô tô trên đến quán cà phê "Paris" thuộc tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc gặp anh P1, tại đây H nói chiếc xe trên là của H, bản chính giấy tờ xe đang thế chấp tại ngân hàng, anh P1 tin tưởng đã cùng H thỏa thuận, ký hợp Hợp đồng mua bán xe với nội dung: Hóa là chủ sở hữu chiếc xe ô tô trên và bán cho anh P1 với giá 250.000.000 đồng, H xác nhận đã nhận 200.000.000 đồng của anh P1, khi nào H cung cấp đủ giấy tờ sẽ nhận số tiền còn lại. Sau đó, H bàn giao chiếc xe ô tô trên cùng giấy tờ xe cho anh P1, còn anh P1 nhờ bạn là anh Đỗ Văn D chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng của D đến tài khoản ngân hàng của H số tiền 173.500.000 đồng, số tiền này H dùng để trả nợ và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 09/5/2024, hết thời hạn thuê xe, anh P gọi điện yêu cầu H mang xe ô tô về trả nhưng H nói dối có nhu cầu thuê tiếp và hẹn trả lại sau để anh P tin tưởng không đòi xe ô tô. Ngày 13/5/2024, anh P đến nhà H tại thôn P, xã L, huyện T, tỉnh Hưng Yên, tại đây H thừa nhận và viết cho anh P 01 giấy cam kết nội dung: Hóa xác nhận đã cầm chiếc xe ô tô thuê của anh P trên cho anh P1 nhà ở Vĩnh Phúc với giá 200.000.000 đồng, hiện H chưa có tiền chuộc xe và hẹn ngày 17/5/2024 sẽ chuộc xe cho anh P. Sau đó, do không có tiền chuộc xe cho anh P nên H đi khỏi địa phương và thay đổi số điện thoại nhằm trốn tránh anh P. Đến ngày hẹn, anh P

không liên lạc được với H nên ngày 11/6/2024, anh P đến cơ quan Công an trình báo sự việc.

Ngày 21/6/2024, anh P1 tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H chiếc xe ô tô trên.

Ngày 07/11/2024, H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đầu thú, tại đây H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, ngoài ra còn khai: H mang chiếc xe ô tô thuê của anh P đi cầm cố cho anh P1, không phải đem bán, việc viết giấy mua bán chỉ để hợp thức hóa, H và anh P1 thỏa thuận sau khi H thanh toán tiền thì sẽ hủy hợp đồng. Số tiền Hóa cầm cố chỉ là 173.500.000 đồng, anh P1 chủ động trừ số tiền 30.000.000 đồng bao gồm tiền lãi cầm cố xe và các chi phí khác. Hóa sử dụng số tiền 173.500.000 đồng để trả nợ và chi tiêu cá nhân, H không nói cho người nhận về nguồn gốc số tiền.

Khi được Cơ quan điều tra giao nhận được Quyết định khởi tố bị can về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự thì H không đồng ý và có đơn khiếu nại: H cho rằng H chỉ cầm cố chiếc xe ô tô thuê của anh P với giá 170.000.000 đồng rồi chiếm đoạt số tiền này nên hành vi của H chỉ phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 2 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại Kết luận định giá tài sản số 125 ngày 01 tháng 07 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản thành phố H kết luận: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại RANGER WILDTRACK, biển số 14C-411.70 trị giá 255.669.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 1302 ngày 21 tháng 8 năm 2024 và số 2030 ngày 24 tháng 12 năm 2024, của Phòng K - Công an tỉnh Q kết luận: Chữ ký, chữ viết trong hợp đồng cho thuê xe ô tô tự lái đề ngày 02/5/2024, Hợp đồng mua bán xe ô tô đề ngày 04/5/2024 và giấy cam kết đề ngày 13/5/2024 là do Bùi Sinh H ký, viết ra.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị Thanh H2 có lời khai trình bày: chị đứng tên là chủ sở hữu xe ô tô nhãn hiệu xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại RANGER WILDTRACK, biển số 14C-411.70 nhưng do không có nhu cầu sử dụng nên chị ủy quyền toàn bộ cho anh Trần Đức Phương P quản lý, sử dụng, kinh doanh xe, việc cho H thuê xe là do anh P thực hiện, chị không liên quan.

Về bồi thường dân sự: tại giai đoạn điều tra anh Trần Đức P yêu cầu H bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn P1 yêu cầu H bồi thường số tiền mua bán chiếc xe ô tô trên là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã trả lại 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu FORD trên cùng giấy tờ cho anh Trần Đức P là người quản lý hợp pháp theo quy định.

Với nội dung trên Cáo trạng ngày 06/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long truy tố bị cáo Bùi Sinh H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa

Bị hại anh Trần Đức P có mặt trình bày: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử bị cáo H đã tác động gia đình bồi thường cho anh số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) bao gồm tiền thuê xe còn thiếu và tiền sửa chữa xe. Anh không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đến nay bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và cũng phải chịu trách nhiệm hình sự trước pháp luật nên đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Chị Đinh Thị Thanh H2 có đơn xin xét xử vắng mặt trình bày: dù chị đứng tên chủ sở hữu xe nhưng đã ủy quyền toàn bộ cho anh P quản lý, sử dụng, kinh doanh xe, đến nay xe đã được trả lại cho anh P quản lý sử dụng chị không có yêu cầu gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, trong đơn anh trình bày: anh giữ nguyên quan điểm như đã trình bày với Cơ quan điều tra. Về phân trách nhiệm dân sự anh yêu cầu bị cáo phải trả lại cho anh số tiền anh đã chuyển khoản cho bị cáo 173.500.000đ (một trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo trình bày: do không hiểu biết quy định của pháp luật nên ở giai đoạn điều tra bị cáo nghĩ rằng anh P1 chỉ chuyển cho bị cáo 173.500.000 đồng nên bị cáo chỉ phạm tội theo quy định tại khoản 2 Điều 175 nhưng đến nay bị cáo đã hiểu và thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã nêu và truy tố đối với bị cáo là đúng người đúng tội, không oan. Về phần thiệt hại đối với bị hại bị cáo đã tác động gia đình bồi thường xong, đối với anh P1 bị cáo đồng ý trả cho anh P1 số tiền 173.500.000 đồng anh P1 đã chuyển cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long có mặt tại phiên tòa trình bày luận tội, đưa ra các tài liệu chứng cứ, chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3, Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Sinh H từ 05 (năm) đến 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2024 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không xét. Đối với quan điểm yêu cầu bị cáo trả số tiền 173.500.000 đồng của anh Nguyễn Văn P1 là có căn cứ, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Bị cáo không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Nói lời sau cùng, bị cáo trình bày: bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, vì vậy, xin Hội

đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội, làm lại cuộc đời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an tỉnh Q, Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo có khiếu nại về khung khoản áp dụng khi khởi tố, truy tố nhưng tại phiên tòa bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội, khẳng định không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nữa. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, Kết luận giám định, kết luận định giá và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 02/5/2024, tại tổ A, khu I, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, bằng hình thức hợp đồng, Bùi Sinh H thuê của anh Trần Đức P 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Ford Ranger, biển số 14C-411.70 trị giá 255.669.000 đồng. Đến ngày 04/5/2024, H nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô trên, tại quán cà phê “Paris” thuộc tổ dân phố Y, phường X, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc, H đã viết giấy bán xe ô tô trên cho Nguyễn Văn P1 lấy tiền tiêu sài rồi bỏ trốn khỏi địa phương.

Hành vi nêu trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh đã kết luận tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế của bị hại, ảnh hưởng tiêu cực đến các mặt đời sống kinh tế, xã hội, gây bức xúc cho dư luận. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo: bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhân thân xấu, đã 2 lần bị kết án phạt tù về các tội “Chống người thi hành công vụ”, “Tàng trữ, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng”, “Cố ý làm hư hỏng tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại, bị hại xin cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo HĐXX thấy: Bị cáo là người trưởng thành có đầy đủ năng lực, nhận thức, có nhân thân xấu, đã 2 lần bị kết án phải chấp hành hình phạt tù nhưng không lấy đó làm bài học cho bản thân mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc xử phạt hình phạt tù đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt nhằm thực hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không xác định được bị cáo có tài sản riêng, khó có khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với bị hại: xe ô tô đã được trả lại cho bị hại, ngoài ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại gồm tiền thuê xe, sửa xe cho bị hại số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: giao dịch giữa bị cáo với anh P1 là giao dịch dân sự, bị cáo làm thủ tục chuyển nhượng xe ô tô không thuộc quyền sở hữu, định đoạt của mình cho anh P1 là trái quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 123 Bộ luật Dân sự, giao dịch mua bán xe giữa bị cáo và anh P1 vô hiệu do vi phạm điều cấm. Anh P1 đã tự nguyện giao xe cho cơ quan điều tra để trả cho người bị hại, do đó bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho anh P1 số tiền anh đã chuyển cho bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự. Trong đơn xin xét xử vắng mặt anh P1 đề nghị Tòa buộc bị cáo trả cho anh số tiền 173.500.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo có quan điểm đồng ý, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh P1.

[8] Về xử lý vật chứng: xe ô tô nhãn hiệu FORD, loại RANGER WILDTRACK, biển số 14C-411.70 và giấy tờ xe đã trả cho người bị hại tại giai đoạn điều tra theo quyết định xử lý vật chứng số 4300/QĐ-ĐTTH ngày 23/9/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Các vấn đề khác trong vụ án: Anh Nguyễn Văn P1 mua xe của bị cáo nhưng không biết xe Hóa bán cho anh là tài sản do phạm tội mà có nên không đề cập xử lý.

[10] Về án phí: bị cáo có nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt: bị cáo Bùi Sinh H 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ 08/11/2024 về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 123, 131, 357 Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Bùi Sinh H có nghĩa vụ trả cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn P1 số tiền 173.500.000đ (*Một trăm bảy mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không tự nguyện thi hành án các khoản tiền, thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: bị cáo Bùi Sinh H phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 8.675.000 đ (tám triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại, NLQ;
- VKSND TP Hạ Long
- TAND, VKSND T. Quảng Ninh;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- CQCSĐT - Công an T. Quảng Ninh
- CQTHAHS - Công an T. Quảng Ninh
- Phòng HSNV Công an T. Quảng Ninh.
- Chi cục THADS TP Hạ Long;
- Trại tạm giam
- Lưu hồ sơ, VP.

Đoàn Thị Thủy